

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Bà Phạm Thị Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, N, phường V, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Anh T. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Long An kiêm Trưởng phòng giao dịch B (Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Vĩnh P. Chức vụ: Chuyên viên QLTD-KSRR- Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Long An – Phòng giao dịch B (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024);

Địa chỉ liên hệ: Số A N, Khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông P có mặt; bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2023, các bản tự khai và tại phiên tòa, ông Ngô Vĩnh P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 16/9/2020, bà Bùi Thị N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Bùi Thị N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng như sau:

+ Hạn mức sử dụng là: 15.000.000 đồng.

+ Mục đích: Tiêu dùng cá nhân.

+ Lãi suất thẻ: 2,6 %/tháng.

+ Phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Bùi Thị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.800.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ bà Bùi Thị N đã không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Thứ tự ưu tiên thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Bùi Thị N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Bùi Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/4/2022 (Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Tính đến ngày 24/5/2024, bà Bùi Thị N còn nợ các khoản sau:

Dư nợ: 16.424.879 đồng .

Lãi vay: 16.335.776 đồng.

Tổng cộng: 32.760.655 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc bà Bùi Thị N, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Bùi Thị N trả nợ. Tuy nhiên, bà Bùi Thị N vẫn chưa thanh

toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc bà Bùi Thị N phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 24/5/2024 là 32.760.655 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: dư nợ là 16.424.879 đồng và lãi vay là 16.335.776 đồng.

Bà Bùi Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

- *Đối với bị đơn bà Bùi Thị N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N. Bà N không nộp bản tự khai về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

+ Xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: đúng quy định Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc thu thập chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tổng đạt cho các đương sự: đúng quy định.

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng theo quy định .

+ Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: đúng quy định.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù được tổng đạt hợp lệ.

2. Về nội dung vụ án: Xét nội dung tranh chấp và các tình tiết của vụ án nhận thấy:

Tại thời điểm ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/9/2020 giữa ngân hàng TMCP S với bà Bùi Thị N thì các bên có đủ năng lực giao kết, hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung nên có hiệu lực.

Về nội dung: phía ngân hàng căn cứ vào thu nhập thực tế của bà Bùi Thị N có cấp thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000 đồng cho Nhị với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 14.800.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bà N không thanh toán nợ đúng hạn cho ngân hàng, qua nhiều lần làm việc bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Xét thấy bị đơn bà Bùi Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần nhắc nợ nhưng phía bị đơn bà N vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S. Do đó việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị N có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 16.424.879 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày 24/5/2024 là 16.335.776 đồng và buộc bà N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S là phù hợp với Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Điều 21 các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S và điểm d mục 24.4 Điều 24 các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S “...áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank..”

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện C: căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, cụ thể:

- Buộc bà Bùi Thị N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến 24/5/2024 là 32.760.655 đồng gồm nợ gốc là 16.424.879 đồng, lãi quá hạn là 16.335.766 đồng, bà N tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ.

- Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP S với bà Bùi Thị N thông qua Hợp đồng thẻ tín dụng là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Bùi Thị N có nơi cư trú tại xã Tân Lân, huyện C, tỉnh Long An nên khi Ngân hàng có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Bùi Thị N cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định được Ngân hàng đã cấp cho bà N thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là: 15.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân; lãi suất thẻ: 2,6 %/tháng; Phương thức thanh toán: chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Bùi Thị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.800.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Bùi Thị N vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 24/5/2024, bà Bùi Thị N còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 32.760.655 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng). Bị đơn bà Bùi Thị N vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/9/2020” được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Bùi Thị N trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được công nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và Khế ước đã ký kết nêu trên.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bùi Thị N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả gốc và lãi, vi phạm định kỳ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả được nợ. Vì vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị N trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ là phù hợp với Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2.4] Ngân hàng TMCP S yêu cầu Bà Bùi Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận.

[2.5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí, lệ phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 180, 207, 227, 266, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 292, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Bùi Thị N.

2. Buộc bà Bùi Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 32.760.655 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: nợ gốc là 16.424.879 đồng; nợ lãi là 16.335.776 đồng.

3. Kể từ ngày 25/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/9/2020 cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này.

4. Về án phí: Buộc bà Bùi Thị N phải chịu 1.638.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 654.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010025 ngày 01 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên